

Số: 1440 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí năm 2023 thực hiện
Đề án Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo
việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia
quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của
UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản
lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của
UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân
sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2258/TTr-STC ngày 25
tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí năm 2023 thực hiện Đề án Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030, với nội dung chính như sau:

1. Tổng dự toán: 1.200.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế (Đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030) đã giao cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong dự toán ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2023.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy định.

b) Căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh theo quy định; tham mưu, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KTTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục số 01:

**DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023 THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ DO PHỤ NỮ THAM GIA
QUẢN LÝ VÀ TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ GIAI ĐOẠN 2022 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
	TỔNG CỘNG		1.200.135.000
	(Làm tròn)		1.200.000.000
I	Hoạt động tuyên truyền		295.072.000
1	In tờ rơi, sổ tay tài chính về các nghị định, thông tư hướng dẫn thành lập hợp tác xã	2.300 bộ x 35.000 đồng/bộ	80.500.000
2	Làm phóng sự tuyên truyền Đề án Xây dựng phóng sự về các điển hình phụ nữ trong phát triển kinh tế tập thể, kết quả Đề án; chuyên trang, chuyên mục về kết quả hoạt động của hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý	01 phóng sự chân dung 20 phút (TH 01.03.03.40.00); 01 phóng sự đồng hành 25 phút (TH 01.03.03.30.00)	10.372.000
3	Tổ chức Hội nghị truyền thông Phát huy lợi thế sản phẩm bản địa - Động lực phát triển của hợp tác xã	02 Hội nghị	204.200.000
	<i>Kinh phí 01 Hội nghị</i>		<i>102.100.000</i>
-	Hội trường, loa đài, máy chiếu	Trọn gói	5.000.000
-	Maket, trang trí	10m ² x 160.000 đồng/m ²	1.600.000
-	Băng rôn tuyên truyền	05 cái x 500.000 đồng/cái	2.500.000
-	Standee tuyên truyền	10 cái x 300.000 đồng/cái	3.000.000
-	Chi hỗ trợ đại biểu (hỗ trợ tiền ăn đại biểu)	200 người x 150.000 đồng/người	30.000.000
-	Chi hỗ trợ đại biểu (hỗ trợ tiền phương tiện đi lại)	200 người x 100.000 đồng/người	20.000.000

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
-	Chi hỗ trợ đại biểu (hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ)	200 người x 170.000 đồng/người	34.000.000
-	Nước uống	200 người x 20.000 đồng/người	4.000.000
-	Giảng viên, báo cáo viên	01 người x 2.000.000 đồng/người	2.000.000
II	Tổ chức lớp tư vấn pháp lý về Luật Hợp tác xã, các Nghị định liên quan đến mô hình kinh tế tập thể cho các cán bộ Hội (01 ngày) (Thành phần: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, thị xã, thành phố 81 người; cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 31 người; đại biểu mời 08 người; tổng cộng = 120 đại biểu)		11.200.000
1	Tài liệu, văn phòng phẩm	120 bộ x 30.000 đồng/bộ	3.600.000
2	Hội trường, loa đài, máy chiếu	01 ngày x 3.000.000 đồng/ngày	3.000.000
3	Nước uống	120 người x 30.000 đồng/người/ngày	3.600.000
4	Thù lao giảng viên	01 người x 1.000.000 đồng/người	1.000.000
III	Tập huấn kỹ năng kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử (02 ngày)		176.000.000
1	Hội trường, loa đài, máy chiếu	02 ngày x 6.000.000 đồng/ngày	12.000.000
2	In ấn tài liệu	250 bộ x 20.000 đồng/bộ	5.000.000
3	Văn phòng phẩm	250 bộ x 20.000 đồng/bộ	5.000.000
4	Thù lao giảng viên	02 ngày x 01 người x 2.000.000 đồng/người/ngày	4.000.000
5	Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại học viên	250 người x 100.000 đồng/người	25.000.000
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	250 người x 150.000 đồng/người x 02 ngày	75.000.000
7	Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ học viên	250 người x 150.000 đồng/người/đêm	37.500.000
8	Nước uống	250 người x 25.000 đồng/người/ngày x 02 ngày	12.500.000

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
IV	Hỗ trợ xây dựng mô hình cho các hợp tác xã thành lập mới trong năm 2023		449.895.000
	- Hợp tác xã (HTX) chăn nuôi tổng hợp xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc - HTX chăn nuôi tổng hợp phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn (Có Phụ lục số 02 kèm theo)		282.835.000
	HTX trồng cây nông sản xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa (Có Phụ lục số 03 kèm theo)		167.060.000
V	Diễn đàn kết nối doanh nghiệp và các hợp tác xã		207.580.000
1	Cổng hơi: Cổng song long châu nguyệt đặt tại cổng chính ra vào, trên bề mặt cổng hơi dán chữ đề can màu vàng, nội dung thống nhất với Ban Tổ chức trước khi thực hiện. Bao gồm mô tơ, nhân viên kỹ thuật lắp dựng và vận hành	01 bộ x 02 ngày x 3.000.000 đồng/bộ	6.000.000
2	Biển dẫn chữ A: Chất liệu in bạt hifi trên nền khung sắt, kích thước = 2mx1m. Đặt bên ngoài cổng. Nội dung: thống nhất với Ban Tổ chức trước khi thực hiện	01 cái x 450.000 đồng/cái	450.000
3	Chạy chữ băng điện tử: Nội dung: Chào mừng đại biểu tham dự Diễn đàn kết nối doanh nghiệp cho hợp tác xã do nữ làm chủ	02 ngày x 300.000 đồng/ngày	600.000
4	Hội trường (lễ khai mạc, lễ bế mạc) - Setup bàn ghế cho 300 đại biểu tham dự theo mô hình hội nghị, bàn phủ khăn màu trắng, kết rèm màu xanh, ghế chân tinh bọc áo ghế màu trắng, thắt nơ màu xanh - Thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ chương trình văn nghệ và hội nghị - Bàn đón tiếp: 2 cái, trải khăn màu trắng, kết rèm màu xanh.	02 ngày x 7.000.000 đồng/ngày	14.000.000
5	Màn hình LED hội trường - Kích thước: 5,3m x 3,5m. Dùng để trình chiếu backdrop hội nghị, clip. Bao gồm thiết bị và nhân viên kỹ thuật vận hành. - Xây dựng kịch bản hiệu ứng vận hành màn hình LED, bao gồm thiết kế market hội nghị.	02 ngày x 9.000.000 đồng/ngày	18.000.000

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
6	Lễ tân phục vụ hội nghị - Lựa chọn về ngoại hình, khuôn mặt ưa nhìn, kỹ năng chuyên nghiệp, trang phục áo dài xanh, đội dành màu xanh. - Nhiệm vụ: Đón tiếp và hướng dẫn, sắp xếp chỗ ngồi cho đại biểu tham dự, phục vụ nước uống và phục vụ sân khấu.	04 người x 02 buổi x 300.000 đồng/buổi	2.400.000
7	Bảo vệ - Hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ban ngày, trông coi nhà rạp, thiết bị. Đảm bảo an toàn trật tự trong không gian tổ chức. - Trang phục: đồng phục bảo vệ. - Một ngày 03 ca, mỗi ca 03 người.	09 người x 02 ngày x 300.000 đồng/người	5.400.000
8	Vệ sinh môi trường Nhân viên vệ sinh thường trực thu dọn, gom rác và vận chuyển rác thải trong thời gian tổ chức	01 người x 02 ngày x 1.000.000 đồng/ngày	2.000.000
9	Chi phí điện, nước phục vụ sự kiện Trong suốt quá trình tổ chức sự kiện	02 ngày x 7.500.000 đồng/ngày	15.000.000
10	Chi phí thuê mặt bằng: Khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm	02 ngày x 7.500.000 đồng/ngày	15.000.000
11	Quản trị sự kiện - Soạn thảo các tài liệu phục vụ cho sự kiện - Giám sát các đơn vị thực hiện theo đúng kế hoạch của Ban Tổ chức - Giải quyết hoặc đầu mối giải quyết những yêu cầu phát sinh của Ban Tổ chức và của các gian hàng. Chi phí 5% tổng chi phí sự kiện	Trọn gói	10.000.000
12	Cờ hồng kỳ	20 cái x 30.000 đồng/cái	600.000

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
13	Lắp dựng gian hàng trung bày		
	Tư vấn, thiết kế quy hoạch mặt bằng và gian hàng Bao gồm: Thiết kế sơ đồ mặt bằng khu vực trung bày, giới thiệu sản phẩm, lễ khai mạc, bế mạc, tập huấn và các hình ảnh trực quan, phân khu trung bày theo các nhóm hàng; thiết kế	Trọn gói	2.000.000
	Lắp dựng gian hàng trung bày và giới thiệu sản phẩm - Các gian hàng được lắp dựng bên trong nhà gian không gian có mái che (kích thước dài x rộng = 49m x 18m), nền trải thảm cỏ nhân tạo. - Kích thước dài x rộng = 3m x 3m - Mỗi gian bao gồm: Pano biển tên đơn vị, (gian mặt tiền có 02 pano), 01 bàn (kích thước: 1,2m x 0,9m), 01 khăn trải bàn, 02 ghế đệm chân gấp, 01 bóng đèn (bao gồm dây dẫn và ổ cắm); vách ngăn lửng giữa các gian hàng, 01 dụng cụ đựng rác, 01 bình nước 19,8l, 01 cốc nhựa, 01 ghế nhựa kê bình nước.	27 gian x 3.000.000 đồng/gian	81.000.000
	Thuê giá kệ trung bày sản phẩm. Giá kệ 5 tầng. Kích thước rộng x cao = 1,2m x 1,8m	27 cái x 2 ngày x 200.000 đồng/ngày/cái	10.800.000
14	Chè nước cho đại biểu	300 người x 17.000 đồng/người	5.100.000
15	Kinh phí hỗ trợ vận chuyển cho các gian hàng	1.350km x 02 chiều x 0.2 lít xăng/km x 24.500 đồng/lít	13.230.000
16	Hoa đặt bàn đại biểu: cắm cốc cách điệu	05 bát x 200.000 đồng/bát	1.000.000
17	Hoa đặt bục phát biểu		1.000.000
18	Dẫn chương trình		4.000.000
VI	CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN		60.388.000
1	Công tác phí		9.760.000
-	Các huyện miền xuôi: 02 người/huyện x 02 lần/huyện x 15 huyện x 01 ngày	0 2 người/huyện x 11 huyện x 120.000 đồng/người/ngày x 02 lần	5.280.000

TT	Nội dung	Dự toán thực hiện	
		Cơ sở tính	Thành tiền
-	Các huyện miền núi: 02 người/huyện x 02 lần/huyện x 08 huyện x 01 ngày	02 người/huyện x 08 huyện x 140.000 đồng/người/ngày x 02 lần	4.480.000
2	<i>Hỗ trợ tiền xe đi chỉ đạo, kiểm tra</i>	1.215km x 02 chiều x 0.2 lít xăng/km x 24.500 đồng/lít x 04 người	47.628.000
3	<i>Phòng nghỉ</i>		3.000.000
	03 huyện x 02 người/phòng x 02 lần	03 huyện x 500.000đồng/phòng/2 người x 2 lần	3.000.000

Phụ lục số 02:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH
HỢP TÁC XÃ CHĂN NUÔI TỔNG HỢP**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thời gian thực hiện: 06 tháng

A. CƠ SỞ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

I. Quy mô và địa điểm triển khai

TT	Tên đơn vị	Quy mô (con)	Số điểm thực hiện (xã)	Số hộ tham gia	Vùng
1	HTX chăn nuôi tổng hợp xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc (Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc)	6.000	01	10	Vùng đồng bằng
2	HTX chăn nuôi tổng hợp phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn (Phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn)	6.000	01	10	
Cộng		12.000	02		

II. Yêu cầu về mô hình

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Ghi chú
1	Gà giống	Gà ri Hòa Bình. Giống được công nhận thông báo kiểm tra, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	Phẩm cấp giống: thương phẩm
2	Số con/hộ	600	
3	Tỷ lệ nuôi sống	≥ 90%	
4	Khối lượng xuất chuồng	Gà trống ≥ 2,0 kg; gà mái ≥ 1,7 kg	

B. KINH PHÍ HỖ TRỢ (tính cho 01 xã)**I. HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ**

TT	Nội dung	ĐVT	Yêu cầu mô hình	Đơn giá (đ)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ (50%)		Kinh phí đối ứng của người dân (50%)	
					Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1.1	Gà giống 01 ngày tuổi	Con	6.000	16.000	3.000	48.000.000	3.000	48.000.000
1.2	Thức ăn hỗn hợp: 01 kg/con	Kg	8.370	15.500	4.185	64.867.500	4.185	64.867.500
Cộng giống, vật tư						112.867.500		112.867.500

II. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ 100%		
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tập huấn kỹ thuật				6.300.000
-	Tiền ăn	Người	20	100.000	2.000.000
-	Chi giải khát giữa giờ	Người	20	20.000	400.000
-	Phô tô tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	20	20.000	400.000
-	Giảng viên	Ngày	01	2.000.000	2.000.000
-	Thuê phục vụ hội trường, loa đài, khánh tiết	Ngày	01	1.500.000	1.500.000
2	Tổng kết				6.600.000
-	Tiền ăn	Người	30	100.000	3.000.000
-	Chi giải khát giữa giờ	Người	30	20.000	600.000
-	Phô tô tài liệu	Bộ	30	20.000	600.000
-	Bồi dưỡng người làm báo cáo tham luận	Người	03	300.000	900.000
-	Thuê phục vụ hội trường, loa đài, khánh tiết	Ngày	01	1.500.000	1.500.000
Cộng II (1+2)					12.900.000
III. CÁN BỘ KỸ THUẬT					7.450.000
	Thuê cán bộ kỹ thuật: 1 người x 5 tháng	Tháng	05	1.490.000	7.450.000
IV. KIỂM TRA, GIÁM SÁT, CHỈ ĐẠO					8.200.000
1	Hỗ trợ tiền xe đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện mô hình	Chuyến	04	300.000	1.200.000
2	Phụ cấp lưu trú	Người	04	150.000	600.000
3	Văn phòng phẩm phục vụ mô hình	Tháng	12	300.000	3.600.000
4	Chọn và giao nhận cây/con giống, nguyên liệu, công cụ (2 ngày)				
-	Phụ cấp lưu trú	Người	02	150.000	300.000
-	Thuê xe	Chuyến	01	2.500.000	2.500.000
Tổng kinh phí hỗ trợ 01 xã (I+II+III+IV)					141.417.500
Tổng kinh phí hỗ trợ 02 điểm					282.835.000

Phụ lục số 03:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN
MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thời gian thực hiện: 06 tháng

A. CƠ SỞ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

I. Quy mô và địa điểm triển khai

TT	Tên đơn vị	Quy mô	Số điểm thực hiện (xã)	Số hộ tham gia	Vùng
1	HTX trồng cây nông sản xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa	2200 kg giống lạc	01	20	Vùng đồng bằng

II. Yêu cầu về mô hình:

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu	Ghi chú
1	Lạc giống L14	Hạt giống sạch sâu bệnh; hạt đều, mẩy, to; hạt giống sáng, không có tình trạng xây xát	
2	Số kg/hộ	110	
3	Tỷ lệ nảy mầm	≥ 90%	
4	Sản lượng	40-50 tạ/ha	

B. KINH PHÍ HỖ TRỢ**I. HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Đơn giá (đ)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ (50%)		Kinh phí đối ứng của người dân (50%)	
					Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1.1	Giống lạc	Kg	2.200	55.000	1.100	60.500.000	1.100	60.500.000
1.2	Phân NPK	Kg	2.200	15.000	1.100	16.500.000	1.100	16.500.000
1.3	Phân hữu cơ sinh học	Kg	10.000	13.000	5.000	65.000.000	5.000	65.000.000
Cộng giống, vật tư						142.000.000		142.000.000

II. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ 100%		
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tập huấn kỹ thuật				4.800.000
-	Tiền ăn	Người	20	100.000	2.000.000
-	Chi giải khát giữa giờ	Người	20	20.000	400.000
-	Phô tô tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	20	20.000	400.000
-	Giảng viên	Ngày	01	1.000.000	1.000.000
-	Thuê phục vụ hội trường, loa đài, khánh tiết	Ngày	01	1.000.000	1.000.000
2	Tổng kết				6.100.000
-	Tiền ăn	Người	30	100.000	3.000.000
-	Chi giải khát giữa giờ	Người	30	20.000	600.000
-	Phô tô tài liệu	Bộ	30	20.000	600.000
-	Bồi dưỡng người làm báo cáo tham luận	Người	03	300.000	900.000
-	Thuê phục vụ hội trường, loa đài, khánh tiết	Ngày	01	1.000.000	1.000.000
Cộng II (1+2)					10.900.000
III. CÁN BỘ KỸ THUẬT					5.960.000
	Thuê cán bộ kỹ thuật: 01 người x 04 tháng	Tháng	04	1.490.000	5.960.000
IV. KIỂM TRA, GIÁM SÁT, CHỈ ĐẠO					8.200.000
1	Hỗ trợ tiền xe đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện mô hình	Chuyến	04	300.000	1.200.000
2	Phụ cấp lưu trú	Người	04	150.000	600.000
3	Văn phòng phẩm phục vụ mô hình	Tháng	12	300.000	3.600.000
4	Chọn và giao nhận cây/con giống, nguyên liệu, công cụ (02 ngày)				
-	Phụ cấp lưu trú	Người	02	150.000	300.000
-	Thuê xe	Chuyến	01	2.500.000	2.500.000
Tổng kinh phí (I+II+III+IV)					167.060.000